

VỀ HOẠT ĐỘNG BÀO CHỮA CỦA LUẬT SƯ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

ĐẶNG TRẦN THANH NGỌC^(*)

Trong thực hiện quyền bào chữa trong tố tụng hình sự tiếp cận dưới góc độ hoạt động thực hiện quyền bào chữa (gọi tắt là hoạt động bào chữa) của chủ thể bào chữa, hoạt động bào chữa của luật sư là hiệu quả nhất bởi lẽ luật sư là người bào chữa chuyên nghiệp, được đào tạo bài bản. Hiện nay, Điều 10 của Bộ luật Tố tụng Hình sự Việt Nam quy định “trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng, bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội”. Tuy nhiên, để hoạt động bào chữa đạt hiệu quả thì luật sư phải dựa vào quy định pháp luật tố tụng hình sự, dựa vào chứng cứ để chứng minh tính đúng đắn về căn cứ pháp lý của quan điểm bào chữa.

Hoạt động bào chữa của luật sư tại Việt Nam hiện nay còn tồn tại những hạn chế, bất cập ảnh hưởng đến chất lượng bào chữa. Do đó, nghiên cứu các quy định về hoạt động bào chữa của luật sư tại một số nước trên thế giới, kết hợp một số chuẩn mực pháp lý quốc tế về quyền bào chữa, nhằm rút ra những nhận định ban đầu có tính gợi mở cho việc nâng cao hiệu quả bào chữa của luật sư trong tố tụng hình sự Việt Nam có ý

nghĩa quan trọng. Đây cũng là mục đích và nội dung chính của bài viết.

1. Quyền bào chữa là một trong những quyền cơ bản và quan trọng nhất của người bị buộc tội, là quyền con người nên được công nhận là giá trị chung của nhân loại. Ngoài ra, yêu cầu của một nền tố tụng dân chủ, văn minh đòi hỏi chức năng buộc tội phải có sự đối trọng của chức năng bào chữa. Do đó, các công ước quốc tế, khu vực về pháp luật tố tụng hình sự của các quốc gia trên thế giới đều ghi nhận quyền bào chữa của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự. Các quốc gia trên thế giới do sự khác nhau về lịch sử, văn hóa, chế độ chính trị... nên hệ thống pháp luật, mô hình tố tụng hình sự tương ứng cũng khác biệt. Đa số các học giả phân chia hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới thành 4 nhóm: Truyền thống pháp luật La Mã-Đức (còn gọi là hệ thống dân luật); truyền thống pháp luật Anh-Mỹ (còn gọi là hệ thống thông luật); truyền thống pháp luật XHCN; truyền thống pháp luật dựa trên tôn giáo và truyền thống khác. Mặc dù cùng chung mục đích là tìm ra sự thật, phát hiện và xử lý tội

^(*) NCS. Luật học, Học viện Khoa học xã hội.

phạm nhưng mỗi truyền thống pháp luật sử dụng mô hình tố tụng khác nhau. Mô hình tranh tụng phát triển ở hầu hết các nước theo hệ thống thông luật, trong khi mô hình thẩm vấn phát triển ở các nước theo hệ thống dân luật. Mô hình pha trộn của tố tụng thẩm vấn và tranh tụng phát triển ở các nước theo hệ thống luật dựa trên tôn giáo. Truyền thống pháp luật XHCN có nguồn gốc từ hệ thống dân luật nên có những đặc trưng của mô hình thẩm vấn. Sự khác nhau giữa các mô hình tố tụng tất yếu dẫn đến sự khác nhau trên nhiều khía cạnh liên quan đến hoạt động tố tụng như: Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, hoạt động bào chữa, vị thế của luật sư, công tố viên và thẩm phán. Sau đây là một số thông tin về hoạt động bào chữa của luật sư ở một số nước trên thế giới, các chuẩn mực pháp lý quốc tế về quyền bào chữa có giá trị tham khảo nhằm hoàn thiện về hoạt động bào chữa của luật sư. Các quốc gia được chọn lựa để nghiên cứu thể hiện sự đa dạng của các truyền thống pháp luật chính trên thế giới, đồng thời có nhiều đặc điểm tương đồng về địa lý, lịch sử, văn hóa... với Việt Nam, bao gồm: Mỹ, Pháp, Đức, Nhật Bản và Trung Quốc, trong đó Mỹ đại diện mô hình tố tụng tranh tụng, các quốc gia còn lại theo hệ thống dân luật với mô hình thẩm vấn hoặc pha trộn, khá gần gũi với Việt Nam.

a. Hoạt động bào chữa của luật sư ở Mỹ

Ở Mỹ, luật sư được quyền tham gia vào bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tố tụng, kể từ khi bắt giữ người bị tình nghi phạm tội. Luật sư có vai trò rất quan trọng từ quá trình điều tra cho đến khi buộc tội và xét xử. Trước phiên tòa sơ thẩm, bị cáo chỉ bị bắt giữ trong những điều kiện hết sức chặt chẽ, người bị bắt phải được thông báo đầy đủ các quyền của mình (Cảnh báo Miranda). Nếu cảnh

sát không thông báo đầy đủ thì việc nhận tội sau đó sẽ không có giá trị pháp lý do các tòa án áp dụng “*Quy tắc loại bỏ*”, không được công nhận tại tòa án. Bị cáo được thông báo những lời buộc tội chính xác, được thông tin về bảo lãnh và hưởng một số quyền theo Hiến pháp, đó là quyền có luật sư, quyền im lặng, được áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội và phải được xét xử bởi tòa án độc lập. Tại phiên tòa, bị cáo được bảo đảm những quyền căn bản trong quá trình xét xử, đó là được xét xử công khai, nhanh chóng bởi một bồi thẩm đoàn không thiên vị, được giả định vô tội và có quyền đối chất với nhân chứng chống lại họ, đặc biệt là quyền được hỗ trợ của luật sư bào chữa (Melvin Urofsky, 2003).

Luật sư và Công tố viên ở Mỹ có quyền bình đẳng trong việc thu thập và đưa ra chứng cứ. Do đó, luật sư có quyền thu thập chứng cứ và tự lập hồ sơ hình sự riêng phục vụ mục đích bào chữa của mình. Việc điều tra có thể thực hiện bằng cách rà soát các tài liệu tìm hiểu thông tin; thẩm vấn tự nguyện các nhân chứng chính phủ và nhân chứng bào chữa; thuê giám định viên. Trong giai đoạn tiền xét xử, luật sư cũng có quyền đàm phán việc nhận tội; thông báo cho công tố viên về các lý do bào chữa trước khi xét xử (chứng cứ ngoại phạm, tình trạng tâm thần...); tìm cách cho bị cáo được tại ngoại. Luật sư cũng có quyền yêu cầu công tố viên phải trao đổi thông tin, chứng cứ và hồ sơ hình sự của mình cho họ, nếu không họ có quyền kiện ra tòa án. Pháp luật Hoa Kỳ quy định hết sức chặt chẽ về các chứng cứ có thể được sử dụng tại phiên tòa xét xử. Theo Quy tắc về Chứng cứ của Liên bang, chỉ được coi là chứng cứ nếu tại phiên xét xử được các bên đưa ra, đối chất và được Tòa án chấp nhận (Phương Thảo, 2014).

b. Hoạt động bào chữa của luật sư ở Pháp, Đức

Pháp và Đức là các quốc gia theo hệ thống dân luật, tổ tụng hình sự thể hiện đặc trưng của mô hình tổ tụng thẩm vấn nhưng kết hợp một số đặc điểm của mô hình tranh tụng.

Luật sư ở Pháp được tham gia ngay từ giai đoạn tạm giữ. Ngay từ khi một người bị tạm giữ, họ được trao đổi riêng tư với luật sư của mình và được bảo đảm bí mật. Nếu người bị tạm giữ không có luật sư, họ có thể yêu cầu Đoàn Luật sư chỉ định luật sư cho mình, họ có quyền im lặng, quyền được biết chi tiết về lời buộc tội đối với mình và có thời gian thích hợp cho việc bào chữa... (Jean-Philippe Rivaud, 2012). Nếu các quyền của người bị buộc tội không được bảo đảm thì các hoạt động điều tra có thể bị hủy bỏ, bị tuyên bố vô hiệu. Bộ luật Tố tụng Hình sự của Pháp đã qua nhiều lần sửa đổi để phù hợp với các công ước quốc tế, khu vực mà nước Pháp đã ký kết.

Với tư cách là một thành viên của Công ước Nhân quyền châu Âu năm 1950 (gọi tắt là ECHR), qua những phán quyết của Tòa án Nhân quyền châu Âu đối với trường hợp những nguyên đơn kiện nước Pháp vì cho rằng vi phạm ECHR, như: vấn đề công cụ điều tra và quyết định tạm giam; quyền của người bị tạm giam được giữ im lặng và được luật sư hỗ trợ; các công tố viên Pháp không được coi là các thẩm phán độc lập;... (Lý Văn Anh, 2013), Pháp đã từng bước sửa đổi về tổ tụng hình sự để phù hợp với ECHR nhằm đảm bảo thủ tục tố tụng diễn ra công bằng, minh bạch, tăng cường bảo vệ quyền của người bị buộc tội, trong đó có quyền bào chữa. Đơn cử, Bộ luật Tố tụng Hình sự của Pháp năm 2000 về tăng cường nguyên tắc “giả định

vô tội”, thiết lập chế định “thẩm phán về giam giữ và trả tự do”, chuyển phần lớn chức năng công tố viên sang thẩm phán về giam giữ và trả tự do để bảo đảm quyền được xét xử công bằng bởi cơ quan tư pháp độc lập. Bộ luật Tố tụng Hình sự của Pháp năm 2011 về tạm giữ quy định trách nhiệm của cảnh sát tư pháp thông báo cho đương sự quyền được giữ im lặng ngay khi đọc quyết định tạm giữ, được thông báo với luật sư về việc tạm giữ, được sự hỗ trợ của luật sư trong suốt quá trình tạm giữ, luật sư được dự các buổi thẩm vấn đương sự và tham gia các hoạt động điều tra trong quá trình giải quyết các vụ án (Lý Văn Anh, 2013).

Ở Đức có quy định chế độ luật sư trực ban, bị cáo có thể có luật sư ngay từ lần thẩm vấn đầu tiên của cảnh sát và bắt buộc phải chỉ định luật sư bào chữa kể từ khi bắt đầu tạm giam, quy định bị cáo được thông báo quyền im lặng trước khi bị các cơ quan tố tụng tiến hành thẩm tra. Luật sư được trao đổi bí mật với bị cáo, có quyền tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ, đồng thời có quyền đề xuất với thẩm phán về thu thập chứng cứ và thẩm phán có trách nhiệm xem xét. Ngoài ra, luật sư có quyền kiểm tra nhân chứng và bất kỳ lúc nào cũng có thể yêu cầu triệu tập nhân chứng (Erich Joester, 2012).

b. Hoạt động bào chữa của luật sư ở Trung Quốc

Cơ cấu các cơ quan tư pháp hình sự Trung Quốc dựa trên hệ thống thẩm vấn của các nước theo hệ thống dân luật và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ về mặt cơ cấu từ mô hình Xô viết, Bộ luật Tố tụng Hình sự đầu tiên năm 1979 chủ yếu sao chép cơ cấu điều tra và tư pháp hình sự Xô viết, năm 1996 Bộ luật Tố tụng Hình sự được sửa đổi cơ bản, toàn diện. Tuy

nhiên, “thực tiễn thực hiện quyền bào chữa ở Trung Quốc khá hạn chế, phần lớn bị cáo bị xét xử không có luật sư tham gia, chỉ có 30% vụ án hình sự có sự tham gia của người bào chữa” (Nguyễn Quang Hưng, 2012, tr.18). Sở dĩ hiệu quả thực hiện quyền bào chữa ở Trung Quốc trên thực tế thấp còn có nguyên nhân là vấn đề bảo đảm quyền bào chữa chưa hiệu quả, thiếu chế tài xử lý vi phạm đối với cán bộ tư pháp, chưa xây dựng chế độ chịu trách nhiệm đối với các cơ quan chức năng xâm phạm quyền bào chữa của nghi can (UNDP, 2010). Tuy nhiên, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2012 của Trung Quốc gần đây đã có những quy định khá tiến bộ về quyền bào chữa, tạo điều kiện để luật sư tham gia bào chữa. Đây cũng là những hạn chế, bất cập của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003 của Trung Quốc về hoạt động bào chữa của luật sư, chẳng hạn quy định thời điểm tham gia sớm của người bào chữa (Điều 33), quy định việc trao đổi riêng tư giữa luật sư đối với người bị buộc tội đang bị giam giữ (Điều 37), quy định quyền yêu cầu loại trừ các chứng cứ bất hợp pháp (Điều 48), và hiện nay Trung Quốc cũng đã bỏ quy định về cấp giấy chứng nhận người bào chữa...

c. Hoạt động bào chữa của luật sư ở Nhật Bản

Pháp luật Nhật Bản mang mẫu hình một hệ thống pháp luật “lai ghép”, không thuộc “truyền thống pháp luật” cụ thể nào. Luật sư được phép thu thập chứng cứ, được sử dụng nhiều phương pháp đặc biệt để thu thập chứng cứ. Luật sư của Nhật Bản cho phép luật sư đề nghị với Đoàn Luật sư địa phương yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu. Theo Hiến pháp và Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị can, bị cáo được quyền có luật sư bào chữa trong giai đoạn sau khi khởi tố

(không phải trước khi khởi tố). Hệ thống luật sư trực nhật (toban bengoshi) nhằm đảm bảo nghi can được luật sư bảo vệ trước khi bị khởi tố. Bị can có quyền có luật sư khi bị cảnh sát giam giữ trong vòng 72 giờ sau khi bị bắt, người bị tình nghi được quyền nộp đơn đề nghị luật sư công bào chữa nếu như tội phạm mà họ được cho là đã thực hiện có thể nhận hình phạt tiền hoặc tù chung thân, hoặc có khung hình phạt tối đa hơn 3 năm. Việc hỏi cung không được ghi hình, ghi tiếng, chưa có hiện diện của luật sư tại phòng hỏi cung. Do đó từ năm 2003 Liên đoàn Luật sư Nhật Bản đã mở chiến dịch yêu cầu công khai hoá (hình và tiếng) toàn bộ quá trình hỏi cung trong phòng hỏi cung. Gần đây, cơ quan công tố và các cơ quan cảnh sát quốc gia đã bắt đầu ghi hình cuộc thẩm vấn của người bị tình nghi, chủ yếu là giai đoạn cuối của quá trình hỏi cung, nhằm xác định rõ lời khai nhận tội của bị cáo có tự nguyện không. Phần lớn các vụ xét xử sai ở Nhật Bản có nguyên nhân chủ yếu là do nghi phạm thú tội vì bị ép cung hay man khai bởi vì thiếu cơ chế kiểm soát quyền lực trong phòng hỏi cung. Tại Nhật Bản, điều kiện hỏi cung, thời gian, mức độ khắc nghiệt của việc hỏi cung rất cao, người bị buộc tội vẫn tiếp tục bị hỏi mặc dù luật quy định quyền giữ im lặng và không có mặt của luật sư bào chữa trong phiên hỏi cung (UNDP, 2010).

d. Một số chuẩn mực pháp lý quốc tế về quyền bào chữa trong tố tụng hình sự

Các văn bản pháp lý quốc tế của Liên Hợp Quốc như “Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền” (UDHR), “Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị” 1966 (ICCPR) và một số công ước khu vực điển hình như “Công ước Nhân

quyền châu Âu” 1950 (ECHR), Quy chế Rome... đều ghi nhận quyền bào chữa của người bị buộc tội với nội dung khá tương đồng. Nội dung quyền bào chữa thể hiện tại Điều 14 ICCPR tương ứng với Điều 6 ECHR và Điều 55, 66, 67 Quy chế Rome. Bên cạnh đó, Liên Hợp Quốc đã thông qua văn bản pháp lý liên quan chặt chẽ đến hoạt động bào chữa của luật sư, chẳng hạn “Tập hợp các nguyên tắc bảo vệ tất cả những người bị giam hay cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào”, 1988; “Công ước chống tra tấn và trừng phạt hoặc đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo hoặc làm mất phẩm giá khác”, 1984; “Các hướng dẫn về vai trò của công tố viên”, 1990; “Các nguyên tắc về tính độc lập của tòa án”, 1985 quy định các biện pháp bảo đảm, bảo vệ quyền bào chữa của người bị buộc tội bị giam giữ, yêu cầu tách bạch chức năng công tố và xét xử cũng như vai trò độc lập của tòa án. Những chứng cứ chống lại người bị tình nghi mà công tố viên có được do thu thập bằng phương pháp bất hợp pháp thì không được sử dụng. Hành vi tra tấn, đối xử độc ác, vô nhân đạo đối với người khác đều bị xem là tội phạm. Đặc biệt, tài liệu “Các nguyên tắc cơ bản về vai trò của luật sư”, 1990, do Liên Hợp Quốc thông qua đã quy định rõ ràng, minh bạch về quyền bào chữa, trách nhiệm của các nhà nước trong việc bảo đảm, bảo vệ quyền bào chữa của người bị buộc tội, chẳng hạn người bị buộc tội được thông báo về quyền bào chữa, được nhanh chóng tiếp cận với luật sư và được tiếp xúc riêng với luật sư.

Các văn bản pháp lý quốc tế và khu vực đều thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa quyền bào chữa của người bị buộc tội và quyền được xét xử công bằng đối với họ, quyền bào chữa là một trong các

quyền cấu thành quyền này. Quyền được xét xử công bằng bao gồm: Quyền không bị tra tấn, không dùng nhục hình, bức cung trong quá trình điều tra, quyền bình đẳng trước tòa án, quyền được xét xử bởi tòa án độc lập, quyền được suy đoán vô tội, quyền bào chữa. Quyền bào chữa thông qua tự bào chữa, lựa chọn người trợ giúp pháp lý hoặc được chỉ định người trợ giúp pháp lý miễn phí nếu không có điều kiện chi trả, được bảo đảm có đầy đủ thời gian và điều kiện thuận lợi để chuẩn bị cho việc bào chữa và được trao đổi riêng với luật sư.

2. Như vậy, có thể thấy:

Thứ nhất, sự phân loại hệ thống pháp luật của các quốc gia gắn liền với các mô hình tố tụng tương ứng chỉ mang tính tương đối bởi sự tương tác lẫn nhau của các truyền thống pháp luật. Do đó, ngày nay hầu hết các quốc gia không mang đặc điểm thuần nhất mô hình tố tụng nguyên thủy mà có sự giao thoa, bổ sung lẫn nhau, chẳng hạn mô hình tố tụng thẩm vấn đặc trưng của các nước Pháp, Đức đã bổ sung yếu tố tranh tụng và các đặc điểm về hoạt động tố tụng, hoạt động bào chữa... Tuy nhiên, yêu cầu đề cao, tôn trọng quyền con người được thể hiện trong các công ước quốc tế, khu vực mà quốc gia đã ký kết đòi hỏi các quốc gia khi xây dựng pháp luật phải bảo đảm cân bằng giữa yêu cầu “kiểm soát tội phạm” và vấn đề “bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội”. Việc nước Pháp phải nhiều lần sửa luật để phù hợp với Công ước Nhân quyền châu Âu 1950 mà quốc gia đã ký kết là minh chứng điển hình.

Thứ hai, xét về tổng thể tại các quốc gia theo mô hình tranh tụng như Mỹ, vị thế luật sư được nâng cao và quyền của luật sư trong tố tụng được mở rộng hơn

so với các nước theo hệ thống dân luật như Pháp, Đức. Do đó, nhìn chung hoạt động bào chữa của luật sư tại các nước theo mô hình tranh tụng hiệu quả hơn, quyền lợi của người bị buộc tội được bảo đảm hơn. Tuy nhiên, việc lựa chọn mô hình tố tụng phụ thuộc khá lớn vào những điều kiện khách quan, chẳng hạn yếu tố lịch sử, văn hóa, chính trị, tổ chức quyền lực nhà nước... và không mô hình nào được đánh giá hoàn toàn lý tưởng. Hiện nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều tham gia các công ước quốc tế và khu vực về quyền con người. Nội dung các công ước thể hiện nhất quán yêu cầu bảo đảm quyền được xét xử công bằng đối với người bị buộc tội mà quyền bào chữa là một trong số các quyền cấu thành của quyền được xét xử công bằng. Trên thực tế, hoạt động bào chữa chỉ đạt hiệu quả nếu tất cả các quyền của quyền được xét xử công bằng được bảo đảm thực hiện. Do đó, dù thuộc bất kỳ truyền thống pháp luật với mô hình tố tụng nào nhưng đã là thành viên của các công ước quốc tế, khu vực thì các quốc gia phải bảo đảm thực hiện tất cả các quyền của quyền được xét xử công bằng đối với người bị buộc tội theo pháp luật quốc tế mà quốc gia đã ký kết.

Thứ ba, quyền bào chữa trong tố tụng hình sự với ý nghĩa là phạm trù quyền con người gắn liền với người bị buộc tội, do đó tất cả các quốc gia phải có trách nhiệm bảo đảm, bảo vệ nhằm hiện thực hóa mà không chỉ dừng lại ở ghi nhận. Các quốc gia được nghiên cứu (ngoại trừ Trung Quốc) cho thấy, hoạt động bào chữa của luật sư khá phổ biến. Trong hầu hết các vụ án hình sự, khi người bị buộc tội bị bắt hoặc bị cáo buộc về tội có khả năng áp dụng hình phạt tù đều có luật sư tham gia (do mời hoặc được hỗ trợ luật sư bào chữa). Có

thể nói ở các quốc gia này, hoạt động bào chữa của luật sư gắn liền với quyền có luật sư của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự.

Thứ tư, nghiên cứu các quy định về hoạt động bào chữa của luật sư của các quốc gia được khảo sát kết hợp các chuẩn mực pháp lý quốc tế về vấn đề này cho thấy: Phần lớn các nước đều quy định thời điểm tham gia tố tụng của luật sư khá sớm, xây dựng chế độ luật sư trực ban (Nhật Bản, Đức), quy định quyền thu thập chứng cứ và đề xuất hỗ trợ thu thập chứng cứ, được gặp gỡ, trao đổi riêng với người bị buộc tội đang bị giam giữ không hạn chế, luật sư được tạo điều kiện để tiếp cận thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động bào chữa.

Thứ năm, về cơ chế bảo đảm, bảo vệ quyền bào chữa, pháp luật các nước như Mỹ, Pháp, Đức, Nhật Bản quy định khá đầy đủ và chặt chẽ về việc loại trừ các chứng cứ thu thập bất hợp pháp, xử lý hành vi cản trở, xâm phạm quyền bào chữa..., trong khi đó ở Trung Quốc thiếu vắng các chế tài xử lý nên hiệu quả bào chữa của luật sư khá thấp.

Tóm lại, nghiên cứu các quy định về hoạt động bào chữa của luật sư một số nước trên thế giới đại diện cho các truyền thống pháp luật chính và có nhiều liên hệ với Việt Nam (Mỹ, Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc) kết hợp một số chuẩn mực pháp lý quốc tế về quyền bào chữa có ý nghĩa nhất định trong việc tham khảo, học hỏi kinh nghiệm nước ngoài nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động bào chữa của luật sư trong điều kiện Việt Nam, đồng thời sáng tỏ trách nhiệm của quốc gia đối với các công ước quốc tế, khu vực và pháp luật quốc gia mà quốc gia đã ký kết □

(Xem tiếp trang 42)